

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN



PHẠM THỊ NGỌC OANH

**ÁP DỤNG HIỆU ƯỚC AN TOÀN VỐN BASEL II
TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA NGÂN HÀNG
TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM**

CHUYÊN NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH THƯƠNG MẠI

TÓM TẮT LUẬN VĂN

HÀ NỘI - 2013

MỞ ĐẦU

1. Sự cần thiết của đề tài

Mục tiêu xây dựng một nền kinh tế có khả năng hội nhập toàn cầu trở thành một xu thế tất yếu của thời đại, đã và đang diễn ra mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Để tham gia tốt hơn vào sân chơi chung quốc tế, nâng cao năng lực cạnh tranh trong quá trình hội nhập, hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam cần phải tuân thủ theo một số điều ước quốc tế, luật pháp quốc tế, từ đó có cơ sở so sánh, đánh giá và xếp hạng giữa các ngân hàng Việt Nam với các ngân hàng nước ngoài, với hệ thống ngân hàng của các quốc gia khác trên thế giới.

Một trong những điều ước quốc tế được các nhà quản trị ngân hàng đặc biệt quan tâm chính là hiệp ước quốc tế về an toàn vốn trong hoạt động ngân hàng – còn được biết thông dụng với tên gọi Hiệp ước Basel. Riêng đối với Việt Nam, việc ứng dụng hiệp ước Basel này trong công tác giám sát và quản trị ngân hàng vẫn còn nhiều vướng mắc, nên vẫn chỉ mới dừng lại ở việc lựa chọn một số tiêu chí đơn giản trong Basel I để vận dụng và vẫn chưa tiếp cận nhiều với Basel II. Điều này thực tế cũng gây khó khăn ít nhiều cho quá trình hội nhập trong lĩnh vực ngân hàng của Việt Nam.

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam cũng đang dần tiến tới áp dụng những tiêu chuẩn và quy tắc của Hiệp ước Basel, nhưng trên tinh thần của Basel I, dưới hình thức áp dụng những tiêu chuẩn của các văn bản pháp luật của ngân hàng nhà nước Việt Nam liên quan đến việc hướng dẫn cách áp dụng Basel I. Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, sớm hay muộn sẽ phải tuân thủ các chuẩn mực Basel II để hoàn thiện chính hệ thống quản trị rủi ro ngân hàng, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Vì vậy, cần thiết phải nghiên cứu thật sâu và nắm hiểu rõ các quy định trong Basel II, cũng như nghiên cứu những khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân vì sao chưa ứng dụng được Basel II, cũng như trên cơ sở nghiên cứu kinh nghiệm của các ngân hàng ở các quốc gia trên thế giới đã từng ứng dụng Basel II, để xây dựng lộ trình áp dụng Basel II vào Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Do đó, đề tài “*Áp dụng Hiệp ước an toàn vốn Basel II trong quản trị rủi ro của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam*” được chọn để làm [luận văn](#) thạc sỹ.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ ÁP DỤNG HIỆP ƯỚC AN TOÀN VỐN BASEL II TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1.1. Tầm quan trọng của áp dụng hiệp ước an toàn vốn Basel II trong quản trị rủi ro của Ngân hàng thương mại

** Giới thiệu lịch sử ra đời của Ủy ban Basel*

Ủy ban Basel về giám sát nghiệp vụ ngân hàng là một Ủy ban bao gồm các chuyên gia giám sát hoạt động ngân hàng được thành lập bởi các Thống đốc Ngân hàng Trung ương của nhóm G10 vào năm 1974 xuất phát từ sau một loạt các cuộc khủng hoảng về tiền tệ quốc tế và thị trường ngân hàng.

Ủy ban này chỉ xây dựng và công bố những tiêu chuẩn và những hướng dẫn giám sát rộng rãi, đồng thời giới thiệu các báo cáo thực tiễn tốt nhất trong kỳ vọng rằng các tổ chức riêng lẻ sẽ áp dụng thông qua những sắp xếp chi tiết phù hợp nhất cho hệ thống quốc gia của chính họ. Theo cách này, Ủy ban khuyến khích việc áp dụng cách tiếp cận và các tiêu chuẩn chung mà không cố gắng can thiệp vào các kỹ thuật giám sát của các nước thành viên.

** Hiệp ước quốc tế về vốn ngân hàng Basel I và các hạn chế*

Năm 1988, Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng đã phê duyệt một văn bản đầu tiên lấy tên là Hiệp ước về vốn của Basel (Basel I). Ban đầu, Basel I chỉ áp dụng trong hoạt động của các ngân hàng quốc tế thuộc nhóm 10 nước phát triển. Sau này, Basel I đã trở thành chuẩn mực toàn cầu và được áp dụng ở trên 120 quốc gia. Theo quy định của BASEL I, các ngân hàng cần xác định được tỷ lệ vốn tối thiểu (Capital Adequacy Ratio - CAR) đạt tối thiểu 8% để bù đắp cho rủi ro, đây là biện pháp dự phòng bắt buộc nhằm đảm bảo rằng các ngân hàng có khả năng khắc phục tổn thất mà không ảnh hưởng đến lợi ích của người gửi tiền.

Xét riêng về quản trị rủi ro tín dụng, Hiệp ước Basel I vẫn còn có những điểm hạn chế như sau: Không phân biệt theo loại rủi ro; Không có lợi ích từ việc đa dạng hóa; Chưa bắt kịp với sự phát triển của các công cụ tài chính mới như chứng khoán hoá các khoản nợ và các công cụ phái sinh; Thứ tư, một số các quy tắc do Basle I đưa ra không thể vận dụng trong trường hợp ngân hàng sáp nhập hay tập đoàn ngân hàng, ngân hàng mẹ, ngân hàng – chi nhánh.

**** Basel II - Hiệp ước sửa đổi bổ sung Basel I***

Hiệp ước Basel II, chính thức được ban hành vào tháng 6/2004 thay thế cho Hiệp ước Basel I sau 6 năm phát triển và tổng hợp ý kiến đóng góp từ khắp nơi trên thế giới. Hiệp ước Basel II làm tăng tính nhạy cảm của vốn tự có đối với rủi ro và tính hiệu quả của quản lý vốn.

Basel II được phát triển dựa trên khái niệm 3 “trụ cột”, trong đó trụ cột I đưa ra những yêu cầu về vốn dự phòng rủi ro tối thiểu. Trụ cột II đặt ra các yêu cầu về giám sát và trao trách nhiệm theo dõi cho giám đốc và các nhà quản lý cao cấp của tổ chức tài chính nhằm tăng cường thực thi các nguyên tắc về kiểm soát nội bộ và những hoạt động quản lý doanh nghiệp khác theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước. Trụ cột III đòi hỏi các ngân hàng công khai thông tin nhiều hơn nhằm thực thi qui tắc thị trường một cách có hiệu quả.

**** Sự cần thiết áp dụng hiệp ước an toàn vốn Basel II trong quản trị rủi ro của Ngân hàng thương mại***

Basel II là hiệp ước quốc tế về tiêu chuẩn an toàn vốn, tăng cường quản trị toàn cầu hóa tài chính cũng như việc khai thác tối đa tiềm năng lợi nhuận và hạn chế rủi ro. Nó được xem là giải pháp được đưa ra nhằm nâng cao các tiêu chuẩn ngân hàng với những yêu cầu về quản lý rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động, rủi ro lãi suất. Và đặc biệt, vai trò chức năng của thanh tra trong công tác quản lý, bảo đảm an toàn cho các tổ chức tín dụng là đòi hỏi tất yếu.

**** Vai trò của hiệp ước an toàn vốn Basel II trong quản trị rủi ro của Ngân hàng thương mại***

Basel II đưa ra nhiều quy định để các ngân hàng tránh khỏi những rủi ro về mặt dữ liệu và thông tin ngân hàng có thể phát sinh từ khái niệm, quy tắc đến so sánh, kết hợp những yếu tố quản lý như một chìa khoá để giảm thiểu rủi ro. Ứng dụng Basel II giúp các ngân hàng quản trị rủi ro ngân hàng tốt hơn.

1.2. Những điều kiện để áp dụng hiệp ước an toàn vốn Basel II trong quản trị rủi ro ngân hàng thương mại

- Điều kiện về vốn tối thiểu
- Điều kiện về phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng
- Điều kiện về xây dựng các hệ thống
- Điều kiện về mô hình tổ chức và nhân sự
- Điều kiện về chuẩn mực [kế toán](#)
- Điều kiện về công nghệ và cơ sở vật chất kỹ thuật

1.3. Xu hướng áp dụng hiệp ước an toàn vốn Basel II tại một số nước và kinh nghiệm cho Việt Nam

Qua việc nghiên cứu việc áp dụng hiệp ước Basel II tại các nước trên thế giới, đưa ra các kinh nghiệm cho Việt Nam như sau:

- Nguy cơ khủng hoảng tài chính không loại trừ bất cứ quốc gia, tổ chức nào; những quốc gia và tổ chức càng lớn thì nguy cơ khủng hoảng càng cao.
- Rủi ro khủng hoảng tài chính thường bắt nguồn từ rủi ro tín dụng, đặc biệt là rủi ro từ tín dụng bất động sản của các NHTM.
- Yêu cầu vốn tối thiểu đối với các tổ chức tài chính, ngân hàng là rất quan trọng, tuy nhiên vẫn chưa đủ để đảm bảo tính ổn định cho hoạt động của ngân hàng;
- Trong quá trình hoạt động, các NHTM phải chú trọng công tác quản trị rủi ro và các công tác thanh tra, giám sát rủi ro để có thể kịp thời phát hiện và kiểm soát rủi ro.
- Các ngân hàng cần nâng cao hơn nữa công tác giám sát và quản trị rủi ro, dự báo và phòng ngừa rủi ro trong hoạt động, rủi ro thanh khoản, tạo sự ổn định và phát triển cho hoạt động ngân hàng.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG ÁP DỤNG HIỆP ƯỚC BASEL TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

2.1. Thực trạng kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

** Kết quả và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam từ 2008 – 2012*

Tình hình hoạt động kinh doanh hiện tại của BIDV qua các năm gần đây tương đối tốt, luôn đạt được vượt mức, toàn diện các mục tiêu đề ra. Đặc biệt trong các năm 2010 - 2012, BIDV đã đạt được hiệu quả kinh doanh cao nhất từ trước tới nay.

Bảng kết quả kinh doanh của BIDV

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2008	2009	2010	2011	2012
Tổng thu nhập hoạt động	8.370	10.154	11.488	15.414	16.677
Tổng chi phí hoạt động	3.448	4.536	5.546	6.652	6.765
Tổng LNTT	2.369	3.605	4.626	4.220	4.325
Tổng LNST	1.998	2.817	3.758	3.200	3.265

Nguồn: Báo cáo tài chính của BIDV các năm 2008 – 2012

*** *Thực trạng hoạt động tín dụng của BIDV***

- Thực trạng huy động vốn: Tốc độ tăng trưởng huy động vốn giai đoạn 2008 - 2012 đạt mức cao (bình quân 22%/năm). Tại thời điểm 31/12/2012, tổng nguồn vốn huy động của BIDV đạt 399.326 tỷ đồng, tăng 20,8% so với năm 2011 vượt xa mức tăng trưởng năm 2011 9,65% do BIDV đã nỗ lực gia tăng nguồn vốn thông qua các biện pháp marketing, chiến lược sản phẩm và khách hàng phù hợp của BIDV

- Thực trạng cho vay tại BIDV: Hoạt động tín dụng luôn là hoạt động cốt lõi trong sự phát triển của BIDV. Đến cuối năm 2012, BIDV có tổng dư nợ tín dụng đạt 339.923 tỷ đồng (bao gồm cho vay bằng nguồn vốn ODA, ủy thác) tăng trưởng 15,6% so với năm 2011. Đây là năm thứ ba liên tiếp, BIDV là một trong hai ngân hàng có thị phần dư nợ tín dụng lớn nhất tại Việt Nam. Giai đoạn 2009 - 2012, tăng trưởng tín dụng bình quân của BIDV là 20,6%, thấp hơn so với toàn ngành ngân hàng là 22,4% do mục tiêu của BIDV giai đoạn này là kiểm soát và quản lý chất lượng tín dụng, cơ cấu lại nền khách hàng và chuyển dịch cơ cấu tín dụng.

2.2. Thực trạng quản trị rủi ro của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khi áp dụng Basel I

*** *Công cụ quản trị rủi ro của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam theo Basel I***

Chính sách tín dụng và Quản trị rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam gồm:

- Chính sách quản lý rủi ro tín dụng đối với khách hàng: Rủi ro tín dụng của khách hàng được quản lý theo nguyên tắc toàn diện, liên tục ở tất cả các giai đoạn có khả năng phát sinh rủi ro tín dụng, thông qua các quy định cụ thể của từng loại nghiệp vụ tín dụng.

- Chính sách phân bổ tín dụng: Phân bổ theo vị trí địa lý, Phân bổ theo kỳ hạn vay và loại tiền vay, Phân bổ theo loại hình sản phẩm, đối tượng khách hàng, mặt hàng và lĩnh vực đầu tư

- Chính sách phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng

- Các quy định về báo cáo, kiểm tra giám sát rủi ro

Mô hình đo lường rủi ro tín dụng của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam xây dựng hệ thống XHTD theo nguyên tắc hạn chế tối đa ảnh hưởng chủ quan của các chỉ tiêu tài chính bằng cách thiết kế các chỉ tiêu phi tài chính, và cung cấp những hướng dẫn chi tiết cho việc đánh giá

chấm điểm các chỉ tiêu gồm: Xếp hạng tín dụng và xếp hạng khoản vay cá nhân và xếp hạng tín dụng doanh nghiệp.

Quy trình cấp tín dụng hạn chế rủi ro của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam: Mô hình tổ chức phê duyệt và quản lý rủi ro tín dụng đã được thành lập với 3 khối chính: Khối quan hệ khách hàng (bán buôn và bán lẻ), Khối quản lý rủi ro và Khối tác nghiệp

Kiểm soát hoạt động quản trị rủi ro tín dụng và phân loại nợ: BIDV thành lập hệ thống kiểm soát nội bộ được xây dựng tại 3 miền và quản lý tập trung tại Trụ sở chính, luôn tiến hành các đợt kiểm tra rà soát tính tuân thủ chính sách, quy trình tín dụng và kiểm toán nội bộ của BIDV cũng như các quy định của pháp luật, đảm bảo BIDV luôn kiểm soát và phòng ngừa được rủi ro trong hoạt động tín dụng.

*** *Thực trạng rủi ro tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam khi áp dụng hiệp ước an toàn vốn Basel I***

Nếu như năm 2005 tỷ lệ an toàn vốn CAR còn dưới mức yêu cầu, chỉ đạt 6,86% thì đến năm 2006 chỉ số này đã tăng trưởng nhảy vọt, đạt tới 9.1%. Hệ số an toàn vốn CAR của BIDV được tính theo VAS vẫn tiếp tục tăng đến năm 2010 chỉ số này đã là 9.32%, và tiếp tục tăng lên trong các năm 2011 và 2012. Chỉ số CAR theo IFRS của BIDV cũng ngày càng cao đạt 7.5% năm 2010 gần đáp ứng theo tiêu chuẩn của Basel I.

Trên cơ sở áp dụng các yêu cầu của Hiệp ước Basel, với các rủi ro đã được nhận diện và đo lường, BIDV đã xây dựng và thực hiện tương đối tốt kế hoạch phòng ngừa, giảm nhẹ, giám sát rủi ro. Kết quả là rủi ro giảm dần qua các năm từ 2008 đến 2012

2.3. Đánh giá thực trạng áp dụng hiệp ước Basel I tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

*** *Đánh giá thành công trong áp dụng hiệp ước Basel I tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam***

Xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ: BIDV hiện đang tiên phong thực hiện xây dựng mô hình xếp hạng tín dụng nội bộ phù hợp với phạm vi hoạt động, tình hình thực tế, đặc điểm kinh doanh của mình theo tinh thần Quyết định 493 của NHNN. Đây là một bước tiên ban đầu đầy quyết liệt trong tiếp cận an toàn vốn, không chỉ nhằm mục đích phân loại nợ, mà còn nhằm đánh giá rủi ro khoản vay, quản lý chất lượng tín dụng

Phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng: BIDV là luôn trích lập dự phòng ngay khi cần thiết trên cơ sở thận trọng và phù hợp với các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc trích lập dự phòng RRTD của BIDV bao gồm

dự phòng cụ thể và dự phòng chung.

Hệ thống công nghệ thông tin: BIDV có một cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại với hệ thống máy chủ quản lý cơ sở dữ liệu tập trung, xử lý trực tuyến và hệ thống mạng WAN kết nối tất cả các chi nhánh BIDV trên toàn quốc.

Đảm bảo đủ nguồn vốn để duy trì tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu: Tỷ lệ an toàn vốn CAR qua các năm đều đảm bảo cao hơn tỷ lệ yêu cầu trong quy định của thông tư 13/2010-NHNN của NHNN. Hệ số an toàn vốn CAR của BIDV được tính theo VAS vẫn tiếp tục tăng trong năm 2011 đạt 11,07%. Năm 2012 chỉ số này giảm còn đã là 9.65%.

Xây dựng mô hình tổ chức mới: BIDV đang dần hoàn thiện cơ cấu tổ chức của mình theo mô hình Chi nhánh hỗn hợp của dự án TA2. Đặc điểm nổi bật của mô hình này là có sự tách bạch giữa 3 chức năng khởi tạo tín dụng, quản lý rủi ro tín dụng và tác nghiệp, nhờ đó hạn chế rủi ro cho ngân hàng

Đào tạo nguồn nhân lực: Nguồn nhân lực với số lượng 18.560 lao động tại thời điểm 31/12/2012 đã đáp ứng cơ bản nhu cầu nhân lực ổn định cho toàn hệ thống BIDV. Trên 80% nguồn nhân lực của BIDV có trình độ Đại học và trên đại học. Đội ngũ lao động của BIDV có tuổi đời trẻ (cán bộ có độ tuổi dưới 30 chiếm 56% tổng số lao động)

Thực hiện chuẩn mực kế toán quốc tế: Việc thực hiện kiểm toán theo cả hai chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và Quốc tế (IFRS - International Financial Reporting Standards) đã được ngân hàng thực hiện từ năm 1996, tạo nên một cơ sở số liệu kiểm toán đầy đủ, hệ thống, phục vụ hiệu quả cho công tác quản trị rủi ro

*** Những hạn chế trong áp dụng hiệp ước Basel I tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam**

- Tỷ lệ nợ xấu, nợ quá hạn trong tổng dư nợ có dấu hiệu tăng

Tỷ lệ nợ xấu của BIDV năm 2012 là 2.99% cao hơn so với tỷ lệ 2.96% năm 2011 và có dấu hiệu tăng.

- Chưa đạt tới tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo yêu cầu Basel

Theo yêu cầu của Hiệp ước Basel II, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) phải đạt mức trên 8% theo các tiêu chuẩn kiểm toán quốc tế. Tại BIDV, dù đã có nhiều nỗ lực nhằm cải thiện hệ số CAR trong những năm qua và đã đạt được yêu cầu này nếu tính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, nhưng nếu xét theo hệ thống kiểm toán quốc tế IFRS thì chỉ số này còn kém so với yêu cầu (đến cuối 2010 chỉ đạt 7.5 % - xem bảng ở trên) và năm 2012 được cho là giảm so với 2011

- *Phân tích, đánh giá rủi ro từ phía khách hàng còn nhiều bất cập*

Nhân viên tín dụng BIDV còn gặp nhiều khó khăn trong việc đánh giá tài chính của khách hàng vay. Việc đánh giá nhầm, đánh giá không chính xác tình hình tài chính khách hàng vẫn còn xảy ra tại nhiều chi nhánh

- *Hệ thống quản lý tài sản bảo đảm còn nhiều khuyết điểm*

Một tổ chức tín dụng có thể giảm RRTD bằng nhận cầm cố, thế chấp khi cho vay tuy nhiên việc xác định giá trị của các tài sản bảo đảm cũng như việc phát mại chúng khi khách hàng vỡ nợ không phải là điều đơn giản. Để làm được điều này mỗi ngân hàng cần phải xây dựng cho mình một hệ thống quản lý tài sản bảo đảm. Hệ thống này sẽ đưa ra căn cứ để xác định xác suất mất vốn do vỡ nợ; đồng thời cũng cho phép áp dụng các nghiệp vụ bù trừ giá trị tài sản bảo đảm hay nghiệp vụ chiết khấu giá trị tài sản bảo đảm trong trường hợp xảy ra vỡ nợ.

*** Nguyên nhân của các hạn chế**

Nguyên nhân chủ quan của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

- Quy mô ngân hàng tương đối lớn gây khó khăn cho việc hoàn thiện công tác quản trị RRTD toàn hệ thống

- Trình độ quản trị rủi ro của cán bộ ngân hàng chưa đạt tiêu chuẩn Basel
- Công tác quản trị rủi ro tín dụng chưa được tiến hành một cách bài bản
- Công tác thu nợ còn hạn chế
- Bản thân ngân hàng chưa hội đủ các nguồn lực cần thiết để đáp ứng các chuẩn mực Basel.

- Rủi ro tín dụng do tính đặc thù của BIDV chưa đa dạng hóa danh mục tín dụng

Nguyên nhân khách quan

- Quản trị rủi ro tín dụng theo Basel chưa phổ biến tại Việt Nam.
- Nguy cơ rủi ro tín dụng do tăng quy mô hoạt động tín dụng
- Thị trường tín dụng có tính cạnh tranh ngày càng cao
- Thiếu thông tin tín dụng tin cậy, kịp thời, chính xác để xem xét, phân tích trước khi cấp tín dụng
- Sự thiếu minh bạch về tình hình tài chính của bên vay vốn
- Hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam đều chưa được xếp hạng tín dụng theo tiêu chuẩn quốc tế.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP THỨC ĐẨY ÁP DỤNG HIỆP ƯỚC AN

TOÀN VỐN BASEL II TRONG QUẢN TRỊ RỦI RO CỦA NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020

3.1. Định hướng chiến lược của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đến năm 2020

**** Thuận lợi trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam***

- Tiềm năng phát triển của ngành tài chính - ngân hàng
- BIDV là thương hiệu có tên tuổi và mạng lưới rộng khắp cả nước, có quan hệ truyền thông với hầu hết các Tập đoàn, Tổng công ty lớn
- Hoàn thành việc cổ phần hóa và phát hành lần đầu ra công chúng trong năm 2011

**** Khó khăn trong hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam***

- Diễn biến bất lợi của nền kinh tế Việt Nam và thế giới
- Áp lực cạnh tranh ngày càng gay gắt

**** Mục tiêu và định hướng chiến lược của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đến năm 2020***

BIDV phấn đấu trở thành 1 trong 20 Ngân hàng hiện đại có chất lượng, hiệu quả và uy tín hàng đầu trong khu vực Đông Nam Á vào năm 2020.

**** Phương hướng áp dụng hiệp ước an toàn vốn Basel II trong quản trị rủi ro tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam***

Mục tiêu của BIDV là tiếp tục chú trọng, nâng cấp và tăng cường hoạt động của hệ thống quản trị rủi ro để hệ thống này thực sự trở thành công cụ thực hiện tốt nhiệm vụ cảnh báo sớm thông qua: nhận diện, đo lường, phân tích đánh giá và đề xuất quản lý rủi ro một cách linh hoạt và hiệu quả. BIDV đang xây dựng các chiến lược quản trị rủi ro dựa trên những định hướng sáng suốt và có tính chất quyết định đến thành công

3.2. Giải pháp bảo đảm các điều kiện để thúc đẩy áp dụng hiệp ước an toàn vốn Basel II trong quản trị rủi ro của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam đến năm 2020

- Bảo đảm đáp ứng yêu cầu về vốn tối thiểu
- Đổi mới mô hình tổ chức quản trị rủi ro và nâng cao trình độ nhân sự: Đổi mới mô hình tổ chức quản trị rủi ro; Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực;

- Giải pháp áp dụng các chuẩn mực kế toán quốc tế
- Hoàn thiện và phát triển hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật: Đầu tư, nâng cấp xây dựng hệ thống công nghệ hiện đại; Khai thác hiệu quả thông tin trong hoạt động tín dụng
- Cải tiến hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ
- Hoàn thiện hệ thống kiểm tra nội bộ
- Giải pháp phân loại nợ, thu hồi và xử lý nợ: Thực hiện tốt quy định phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro hướng tới đáp ứng quy định về tỷ lệ an toàn vốn theo của chuẩn mực Basel II; Tận thu Nợ ngoài bảng và nợ khoanh Nợ ngoài bảng; Xử lý nợ quá hạn, nợ xấu, nợ khó đòi

3.3. Kiến nghị đối với Ngân hàng Nhà nước

- Nâng cao chất lượng thông tin tín dụng: Tăng cường các quy chế công bố thông tin, nâng cao chất lượng và mức độ tin cậy của thông tin thông qua cải thiện chất lượng và hiệu quả hoạt động kiểm toán độc lập
- Nâng cao hiệu quả công tác thanh tra kiểm soát, giám sát ngân hàng: Xây dựng hệ thống giám sát rủi ro trong hoạt động ngân hàng có khả năng cảnh báo sớm đối với các tổ chức tín dụng. Thiết lập hệ thống các quy định, quy trình và sổ tay hướng dẫn trên cơ sở rủi ro, đồng thời tiến hành đánh giá tổng qua công tác thanh tra, giám sát của ngân hàng theo 25 nguyên tắc cơ bản của Ủy ban Basel
- Hoàn thiện hệ thống [văn bản pháp luật](#): Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các chuẩn mực của Ủy ban Basel trên cơ sở lựa chọn chuẩn mực thích hợp. Trong đó chú trọng đến các văn bản quy định về việc xếp hạng tín nhiệm nội bộ của mỗi ngân hàng thương mại, điều kiện tiên quyết để ngân hàng Nhà nước đồng ý cho việc xây dựng hệ thống xếp hạng tín nhiệm nội bộ

KẾT LUẬN

Nền kinh tế thị trường với xu hướng toàn cầu hoá kinh tế và quốc tế hoá các luồng tài chính đã làm thay đổi căn bản hệ thống ngân hàng và khiến cho hoạt động kinh doanh ngân hàng trở nên phức tạp hơn. Thực tế đó, đòi hỏi hệ thống các NHTM phải có những cải cách mạnh mẽ để nâng cao năng lực quản trị rủi ro. Việc ngân hàng đương đầu với RRTD là điều không thể tránh khỏi được. Vấn đề là làm thế nào để hạn chế rủi ro này ở một tỷ lệ thấp nhất có thể chấp nhận được..

Là một trong những ngân hàng hàng đầu Việt Nam, BIDV đang có những bước chuyển mình cần thiết trong công tác quản trị RRTD ngân hàng mình hướng tới các chuẩn mực Basel II nhằm từng bước an toàn hoá hoạt động tín dụng, tạo bàn đạp cho sự phát triển vững mạnh, chắc chắn của ngân hàng. BIDV đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể như: BIDV là ngân hàng đầu tiên của Việt Nam xây dựng thành công hệ thống xếp hạng tín dụng đạt tiêu chuẩn quốc tế, tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu liên tục được cải thiện, cơ cấu dư nợ có tài sản bảo đảm tăng, nâng cao năng lực tài chính... song bên cạnh đó vẫn còn có nhiều tồn đọng như tỷ lệ nợ xấu còn cao, khả năng phân tích thông tin, thẩm định khách hàng còn nhiều hạn chế, tỷ lệ an toàn vốn vẫn chưa đáp ứng yêu cầu của Basel II. Nguyên nhân của những hạn chế này có nhiều song về cơ bản, nguyên nhân cốt lõi là BIDV nói riêng và hệ thống NHTM Việt Nam nói chung vẫn chưa sánh tầm khu vực và thế giới về cả năng lực tài chính lẫn quy mô hoạt động và trình độ công nghệ, quản trị, do đó không đủ nguồn lực để áp dụng toàn bộ các chuẩn mực Basel II.

Từ đó có thể thấy, để nâng cao năng lực quản trị rủi ro tín dụng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn của Hiệp ước Basel II, các NHTM Việt Nam nói chung và ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam nói riêng còn nhiều việc phải làm. Tổng thể các nhóm biện pháp đưa ra nhằm mục tiêu phải thiết lập được hệ thống quản trị RRTD phù hợp với quy mô, sự phức tạp và tính rủi ro của hoạt động tín dụng tại ngân hàng BIDV.

Hy vọng rằng với việc ứng dụng một cách hiệu quả các nhóm biện pháp hỗ trợ đề cập trong luận văn sẽ góp phần giúp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam phát triển vững mạnh hơn, an toàn hơn trên con đường hội nhập vào thị trường tài chính khu vực và thế giới.